

Văn bia chùa Đông Lai (Già Lễ tự)

ISSN: 2734-9195 14:05 16/01/2026

Chùa Đông Lai bảo lưu được nhiều đồ thờ có giá trị nghệ thuật cao. Các hiện vật được gìn giữ khá nguyên và chọn vẹn, một số di vật tiêu biểu, quý, tiêu biểu như cây hương đá - niên hiệu Bảo Thái, bia đá - niên hiệu Chính Hòa,...

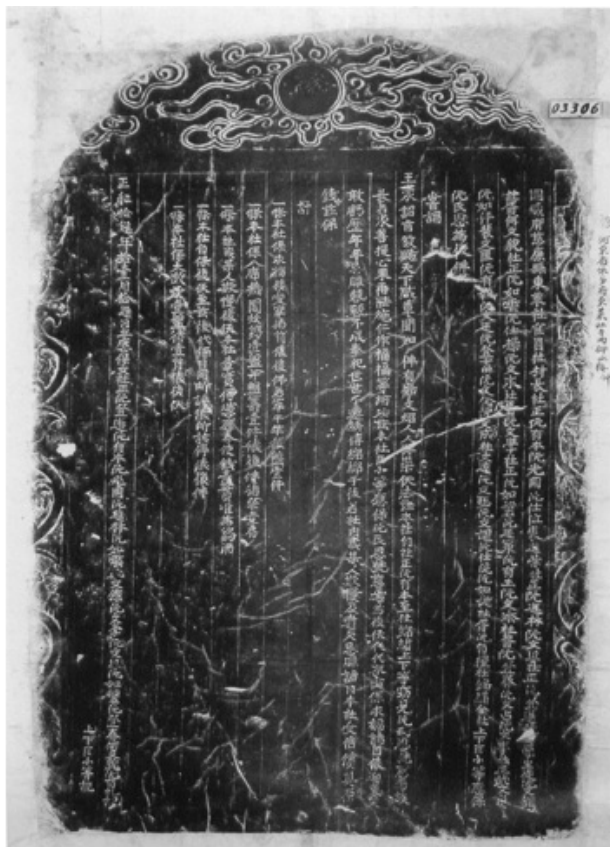
Tác giả: **Thích Đàm Thơm**

Chùa Đông Lai

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

1. Vài nét về vùng đất và chùa Đông Lai

Chùa Đông Lai (Già Lễ tự) thuộc làng Đông Lai, xã Đan Phượng, Hà Nội. Dưới thời Trần và thời Hồ, chùa thuộc Liên Hồng, huyện Đan Phượng, châu Từ Liêm, lộ Đông Đô. Đến thời thuộc Minh, huyện Đan Phượng đổi tên thành huyện Đan Sơn. Sang thời Lê Sơ, Liên Hồng thuộc huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây. Vào đầu thế kỷ XIX, Đông Lai, Hữu Cước, Tổ Thôn, Thượng Trì đều thuộc tổng Thượng Trì, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây. Đầu thế kỷ XX, mỗi thôn được coi như một xã như xã Hữu Cước, xã Đông Lai, riêng Thượng Trì gồm 3 thôn: Thượng Trì, Tổ Thôn, Trúng Đích (nhất xã tam thôn) thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông.



Năm 1956, tách xã Liên Trì thành 3 xã: Liên Hà, Liên Trung, Liên Hồng. Tháng 2/1955, thôn Trúng Đích chuyển về xã Hạ Mỗ, xã Liên Hồng gồm các thôn: Đông Lai, Hữu Cước, Tổ Thôn, Thượng Trì. Từ năm 1975 đến 1979 thuộc tỉnh Hà Sơn Bình, từ 1979 đến 1991 thuộc thành phố Hà Nội, từ 1991 đến tháng 7/2008, thuộc tỉnh Hà Tây, từ tháng 1/2008 đến nay thuộc thành phố Hà Nội. Năm 2025 thuộc xã Đan Phượng, Hà Nội.

Chùa Đông Lai hiện lưu giữ được một số hiện vật có giá trị về mặt lịch sử, nghệ thuật, khoa học, tiêu biểu như cây hương đá - niên hiệu Bảo Thái 3 (1722), bia đá - niên hiệu Chính Hòa 20 (1699), chuông đồng - niên hiệu Cảnh Thịnh 8 (1800).

2. Văn bia chùa Đông Lai

Hiện nay tại chùa còn 5 bia đá, trong đó có 2 bia thời Lê và 2 bia thời Nguyễn, 1 bia không ghi niên đại, đoán cũng thuộc thời Nguyễn.

STT	Tên bia	Niên đại
1	Sáng hậu Phật bi tính ký	Chính Hòa thứ 20 (1699)
2	Già Lễ/Thiên tự/Thiên đài/Nhất trụ	Tháng 3 năm Nhâm Dần niên hiệu Bảo Thái thứ 3 (1722)
3	Kí kị bi kí	Ngày 20 tháng 12 năm Tự Đức thứ 9 (1856)
4	Vĩnh tự bi kí	Ngày 24 tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 12 (1831).
5	Hậu Phật bi kí	Không ghi

Ân làm Hậu Phật.

Thường bảo: Nhà vua xuống chiếu chỉ ban tặng, thiên hạ đều hay, nghe rằng Phật có khuyến giới, soi tỏ mọi người dấy hưng Phật pháp. Nay bản xã từ lớn nhỏ từ Xã chính Nguyễn Hữu Bản đến Đỗ Cẩm Túc, trộm thấy Nguyễn Thị Ân hiệu Từ Yên, là danh gia tộc trưởng, có tâm quả bồ đề, lại thường làm điều nhân thi điều phúc, phúc nhiều tựa hà sa. Nay bản xã lớn bé đều đồng ý bầu Nguyễn Thị Ân hiệu Từ Yên làm Hậu Phật, đời đời lưu truyền Hễ các ngày cầu phúc mà đón rước, chẳng dám giảm bớt. Giỗ chạp hàng năm, cần thận không lẫn, phụng thờ đời đời không dời đổi, nối tiếp mãi mãi về sau. Nếu trong xã hoặc người nào coi thường và bỏ vê các ngày giỗ chạp bản xã nhận bồi thường theo số tiền gốc, nay bầu.

Điều 1: Bản xã cầu phúc nhận thịt thủ lợn biếu Hậu Phật, nếu là thịt bò, lợn 1 phần.

Điều 2: Hễ bản xã vào hội xôi gà 1 bàn, và một phần biếu Hậu Phật, thịt lợn tẻ một vai.

Điều 3: Bản xã hoặc người nào khinh thường Hậu Phật, bản xã tra xét có thực, thì được dựa theo khoán sử tiền 1 quan, gà rượu theo chuẩn.

Điều 4: Bản xã từ khi bầu Hậu Phật đến các đời sau, nếu là cùng ngày cái đáng thì nên biếu, cái không đáng thì không biếu Hậu Phật.

Điều 5: Bản xã có việc lớn thì xôi 1 bàn, thủ lợn 1 đầu biếu Hậu Phật

Ngày 19 tháng 1 năm Chính Hòa thứ 19 (1698), đồng ý lập Hậu, xã chính Nguyễn Đăng Tuyển, Nguyễn Hữu Bản, Nguyễn Quang Quốc, Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Như Vân, Nguyễn Văn Quán, Nguyễn Văn Học, Nguyễn Văn Đán, Nguyễn Như Bàn, Nguyễn Đăng Xuân, Hà Văn Mạo, Nguyễn Hữu Lễ kí.

Trên dưới lớn nhỏ cùng kí.

[M2] Sáng Hậu Phật bi tịnh kí Nguyên văn:

□□□□

□□□□□□□□

□□ :□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□□□

[□]

□□□□□□□□□□□□

□□□□□□

:□

□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□

.

□□□ : □□□□□□□□ , □□□□□ , □ □□ , □□□ , □□□ , □□ □□□□, □□□□ , □□□□ □□

□□□□ : □□□□□□□□□□ ; □□□□ □ : □□□□□□□□□□□□□□ .

□□ :

□□□□□ , □□□□□ □□□□□ , □□□□□ □□□□□ , □□□□□ □□□□□ , □□□□□ □□ □□□□□□□□□□

Dịch nghĩa:

[M1] Xã Đông Lai huyện Từ Liêm phủ Quốc Oai hưng công một trụ thiên đài.

Kê:

- Hưng công: Xã chính kiêm trùm xấtổng Nguyễn Đăng Tuyển tự là Phúc Tài, vợ là Nguyễn Thị Lận hiệu Từ Quảng, các con là Xã chính Nguyễn Đăng Dụng, Mậu Đăng Thuật, Xã lại Nguyễn Đăng Đạo, Xã sử Nguyễn Đăng Doanh, Nguyễn Thị Huân, Nguyễn Thị Nghiệt, Nguyễn Thị Hy, Đỗ Thị Cử, Nguyễn Thị Hảo, Đỗ Thị Thử, Nguyễn Như Vinh, Võ Văn Sĩ, Đỗ Cẩm Y, Nguyễn Đăng Kế, Nguyễn Đăng Mô, Nguyễn Đăng Quy, Nguyễn Như Ngữ,

Nguyễn Như Nhất, Nguyễn Như Thâm, Nguyễn Như Đỗ, Nguyễn Thị Thần, Nguyễn Thị Thuỳ, Nguyễn Thị Âu, Nguyễn Thị Tố, Nguyễn Thị Bảo, Nguyễn Thị Biểu, Nguyễn Văn Sư, Nguyễn Thị Cứ.

- Hưng công: Lê Thị Thiểm Hiệu Từ Thành, chúng tử Nguyễn Công Kiêu, Nguyễn Công Cao, Nguyễn Văn Tài, Đỗ Thị Ái, Nguyễn Thị Câu, Nguyễn Thị Hại, Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Văn Biểu, Nguyễn Văn Nhụ.

[M2]

- Hưng Công: Nguyễn Văn Sản, Nguyễn Thị Nhuận, Nguyễn Thị Nhuận, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Đỗ, Nguyễn Thị Thỉnh, Nguyễn Thị Tộ, Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Thị Bạch, Nguyễn Thị Hoan, Nguyễn Thị Quy

- Hưng công: Xã tư Vũ Hữu Lễ tự Phúc Nghĩa, vợ Nguyễn Thị Tứ, các con Võ Văn Chiêu, Vũ Đăng Khoa, Vũ Văn Thuận, Vũ Văn Hòa, Vũ Thị Bình, Vũ Thị Vinh, Vũ Thị Luân, Nguyễn Như Long, Nguyễn Đăng Dụng, Nguyễn Trí Sùng, Nguyễn Văn Hội, Nguyễn Như Phác, Nguyễn Thị Thần, Nguyễn Thị Chuyết.

- Hưng công: Nguyễn Sĩ Đăng tự Phúc Khoa, vợ Nguyễn Thị Diễn, các con Nguyễn Thị Ất, Nguyễn Văn Suất.

- Hưng công: Xã tư Nguyễn Như Tòng, vợ Nguyễn Thị Hàn, các con Nguyễn Như Lao, Nguyễn Thị Thùy, Nguyễn Thị Cựu, Nguyễn Thị Cheo, Nguyễn Văn Soái, Nguyễn Thị Cứ.

[M3]

Bản xã công đức: Nguyễn Văn Tài vợ Nguyễn Thị Hợi, sử tiền 1 quan, xã Bồng Lai công đức: Sinh đồ Doãn Đăng Tuyển tự Pháp Chính, vợ Trần Thị A sử tiền 5 mạch.

Khen rằng:

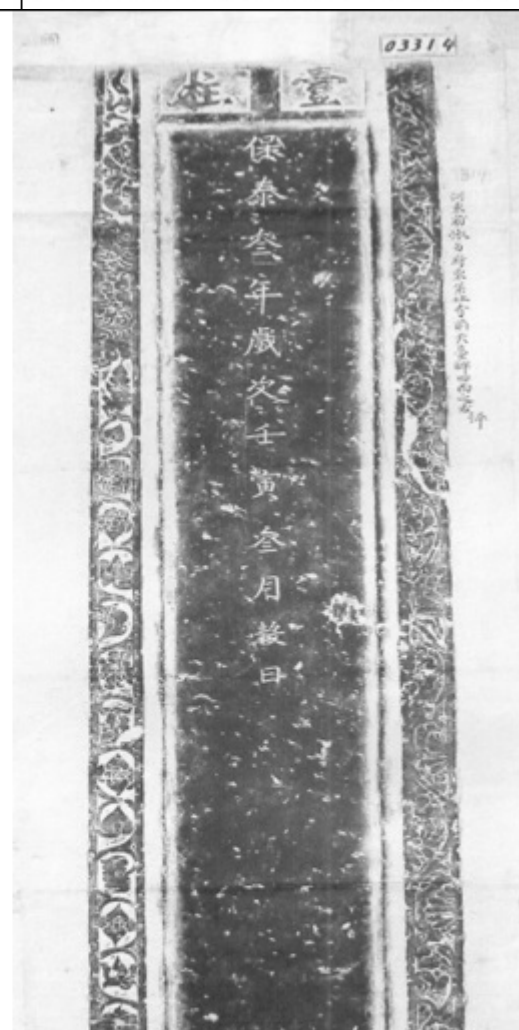
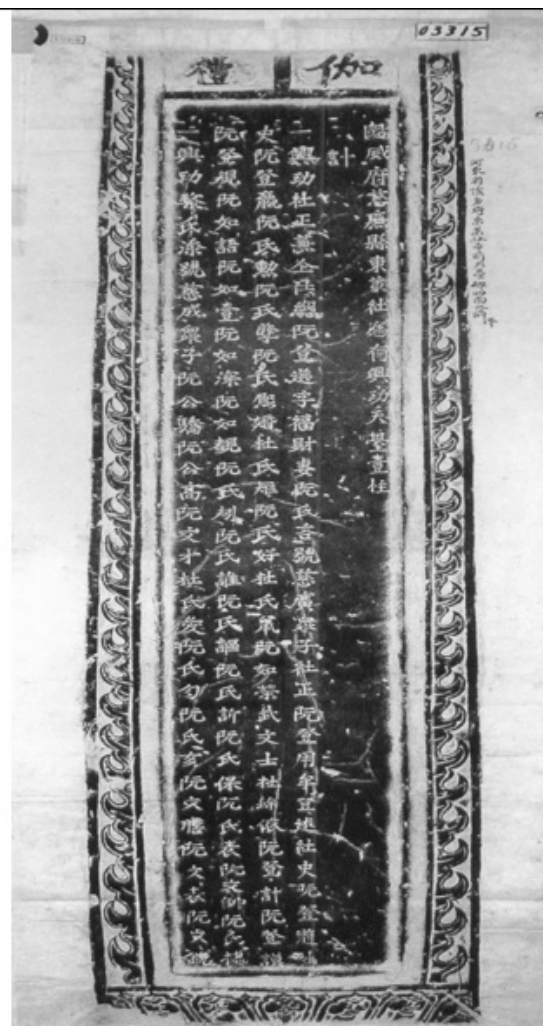
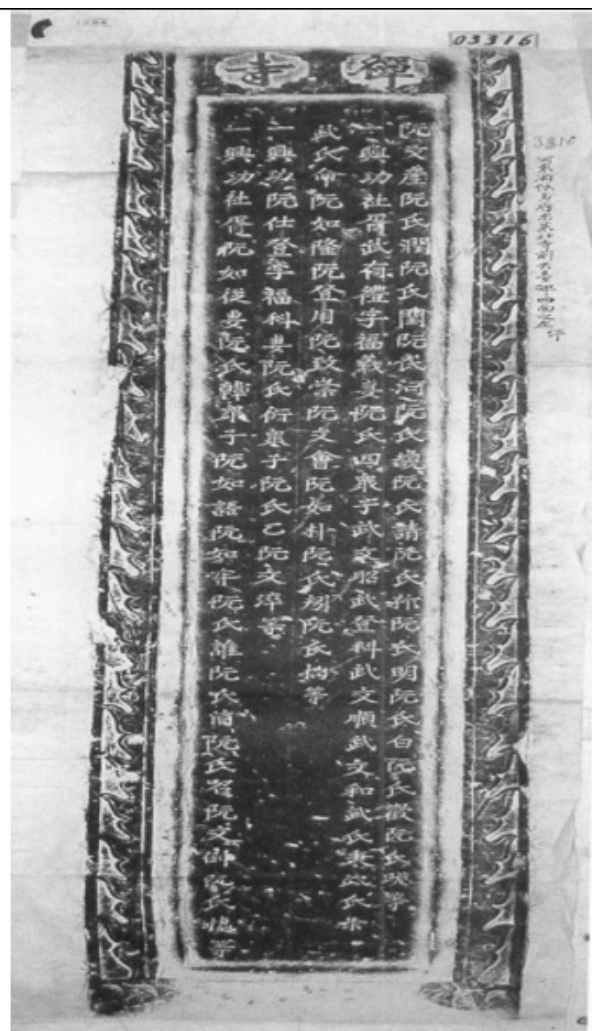
Khí trời hòa hợp tạo trụ đá, Hình tượng tựa lâu đài

Năm thời dâng hương khói, Thành kính tỏ trong lòng

Trời Nghiêu càng mệnh mông, Ngày Thuần thêm rộng lớn

Trước sân vững cơ đồ, Năm phúc vui mừng đến. [M4]

Ngày tốt tháng 3 năm Nhâm Dần niên hiệu Bảo Thái thứ 3 (1722)



3. Một vài giá trị qua tư liệu văn bia

- *Về giá trị lịch sử:* Qua văn bia xưa nhất (1699) còn lưu lại có thể khẳng định ngôi chùa từ ngày khởi dựng đến nay đã thực sự trở thành trung tâm tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân Đông Lai.

Chùa Đông Lai hiện còn lưu giữ được 5 tấm bia đá cổ, trong đó có tấm bia có niên đại thời Lê đến thời Nguyễn nói về việc trùng tu và bầu hậu chùa;... là nguồn tư liệu quan trọng có thể cung cấp nhiều thông tin xác tín về thờ tự tại chùa, làng họ, chế độ ruộng đất, sự thay đổi về địa danh lịch sử qua các thời kỳ.

- *Về giá trị nghệ thuật:* Chùa Đông Lai gồm các hạng mục như cổng tam quan, gác chuông, tam bảo, nhà tổ, nhà khách có bố cục và quy cách theo phong cách truyền thống. Các hiện vật như bia đá, chuông đồng, hệ thống tượng Phật niên đại thế kỷ XIX - XX với những đường nét uyển chuyển, mang trong mình yếu tố thiêng gắn với mảnh đất và con người Liên Hồng cũng như khu vực lân cận, đạt hiệu quả về mặt thẩm mỹ.

- *Giá trị văn hóa:* Chùa Đông Lai không chỉ là nơi thờ phụng các vị Phật, Bồ tát, tam tòa Thánh Mẫu, đức thánh Trần, các vị tổ chùa, hậu Phật mà còn là địa chỉ sinh hoạt, trung tâm văn hóa, sinh hoạt lễ tết, ngày hội truyền thống của làng.

- *Giá trị khoa học:* Giá trị này được thể hiện qua hệ thống di vật, di vật góp phần thiêng hóa di tích, là tài sản vô cùng có giá trị mà trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành, đặc biệt những di văn Hán Nôm.

- *Về giá trị thẩm mỹ:* Chùa Đông Lai bảo lưu khá nguyên vẹn các hạng mục kiến trúc và đồ thờ tự có giá trị nghệ thuật. Các hạng mục kiến trúc cấu thành di tích gồm: tam quan, gác chuông, tiền đường, thượng điện, nhà tổ, nhà mẫu có kiểu dáng, bố cục, sắc thái tương tự, quy mô Khang trang, bề thế.

Chùa Đông Lai bảo lưu được nhiều đồ thờ có giá trị nghệ thuật cao. Các hiện vật được gìn giữ khá nguyên và chọn vẹn, một số di vật tiêu biểu, quý, tiêu biểu như cây hương đá - niên hiệu Bảo Thái, bia đá - niên hiệu Chính Hòa, Hoàng phi, câu đối và tượng - nghệ thuật thời Nguyễn... đạt trình độ, kỹ thuật tinh xảo, có giá trị nghệ thuật cao, cần được bảo lưu, gìn giữ.

Tác giả: **Thích Đàm Thơm** - *Chùa Đông Lai*

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026